

Bản án số: 375/2024/DS-PT

Ngày 16 – 9 – 2024

V/v tranh chấp hụi

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Lập

*Các Thẩm phán:*

Bà Đinh Cẩm Đào

Ông Đặng Minh Trung

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hứa Như Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Hữu Duy Khánh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 và 16 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 302/2024/TLPT-DS ngày 21 tháng 8 năm 2024 về việc: Tranh chấp hụi.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 142/2024/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 246/2024/QĐ-PT ngày 26 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Kiều C, sinh năm 1975 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: ấp Tân Quảng Đ, xã Nguyễn Việt Ki, huyện P, tỉnh C.

**- Bị đơn:**

1. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1969 (Có mặt);

2. Ông Đoàn Đức D, sinh năm 1969 (Có mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: ấp R, xã R, huyện P, tỉnh C ..

**- Người kháng cáo:** Bà Lê Thị Kiều C, là nguyên đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo bà Lê Thị Kiều C trình bày:**

Ngày 15/11/2021al, bà mở dây hụi 1.000.000 đồng, tháng khai hụi hai lần vào các ngày 15 và 30 hàng tháng, dây hụi có 81 chung, hụi mãi ngày 15/02/2025al. Dây hụi này, vợ chồng ông D và bà L tham gia 01 chung và hốt đầu với số tiền bỏ hụi là 200.000 đồng, số tiền hụi hốt được là 64.000.000 đồng; trừ

tiền hoa hồng 700.000 đồng, số tiền hụi còn lại bà phải giao cho ông D và bà L là 63.300.000 đồng, nhưng giữa bà với ông D và bà L thống nhất đối trừ vào tiền hụi mà ông D và bà L còn nợ ở dây hụi tháng mở vào năm 2019 với số tiền 69.000.000 đồng, nên ông D và bà L còn nợ lại bà số tiền 5.700.000 đồng và tính đến ngày hụi mãn thì ông D và bà L phải đóng lại hụi chết cho bà 80 lần với số tiền là 80.000.000 đồng. Sau khi hốt hụi ông D và bà L đóng được 03 kỳ hụi chết với số tiền là 3.400.000 đồng thì ngưng cho đến nay, nên tính đến ngày mãn hụi, ông D và bà L còn nợ số tiền hụi chết là 76.600.000 đồng.

Ngoài ra, ông D và bà L còn nợ lại bà số tiền hụi tuần đã mãn vào năm 2019 với số tiền 1.200.000 đồng và ngày 15/02/2019al bà có hỏi vay dùm của ông Đinh Quốc Hiệp ngụ cùng ấp với bà cho ông D và bà L số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 300.000 đồng/tháng. Sau khi vay, bà L đóng lãi được 02 đến 03 lần thì ngưng, nên bà đã xuất ra trả xong cho ông Hiệp số tiền vốn và lãi là 7.000.000 đồng. Do đó, vợ chồng ông D còn nợ bà số tiền 7.000.000 đồng.

Ngoài số tiền trên, ông D và bà L còn vay của bà 03 lần với tổng số tiền 40.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 15/3/2019al vay 15.000.000 đồng; Ngày 10/10/2019 al vay 10.000.000 đồng; ngày 15/01/2020al vay 15.000.000 đồng; việc ông D và bà L vay tiền nhằm để đóng lại chụi chết cho dây hụi tháng đã mãn vào năm 2019, nên bà không có đưa tiền vay cho ông D và bà L mà đối trừ vào tiền hụi chết còn nợ. Khi vay, ông D và bà L có viết biên nhận, nhưng sau đó hai bên đối chiếu nợ nên vợ chồng ông D ký giấy nợ vào ngày 02/11/2022al với tổng số còn nợ là 80.100.000 đồng trong đó bao gồm cả tiền hụi của dây 1.000.000 đồng tính đến ngày 02/11/2022 (AL) là 26.200.000 đồng, tiền hụi tuần đã mãn còn nợ 1.200.000 đồng, tiền hụi tháng đã mãn của năm 2019 còn nợ lại là 5.700.000 đồng và số tiền vay 47.000.000 đồng. Vì vậy, các biên nhận vay trước đây bà đã hủy bỏ hết đến ngày 15/02/2023 (AL), do các hụi viên không đóng lại hụi chết nên dây hụi ngày 15/11/2021 (AL), bà tuyên bố đình hụi nhưng vẫn gom hụi chết để trả lại cho những hụi viên còn hụi sống.

Tại phiên toà sơ thẩm, bà C xác định các khoản nợ chồng ông D hiện còn nợ bà gồm: Tiền hụi chết của dây hụi tuần 1.200.000 đồng, tiền hụi chết của dây hụi tháng của năm 2019 là 5.700.000 đồng, tiền vay 47.000.000 đồng và tiền hụi chết của dây hụi mở ngày 15/11/2021 (AL) tính đến ngày mãn hụi là 76.600.000 đồng. Tổng các khoản, vợ chồng ông D còn nợ bà với số tiền 130.500.000 đồng, nên bà C yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông D trả một lần hết số tiền nợ nêu trên, trường hợp vợ chồng ông D khó khăn thì bà đồng ý cho trả dần hàng tháng với số tiền là 6.000.000 đồng/tháng cho đến khi hết nợ.

- Theo bà Phạm Thị L trình bày:

Bà và ông Đoàn Đức D là vợ chồng; tuy nhiên, việc chơi hụi chỉ có ông D tham gia nhưng bà biết và có cùng đóng hụi cho bà C, cụ thể: Bà L xác định vào ngày 15/11/2021 (AL), bà C mở dây hụi 1.000.000 đồng, dây hụi có 81 chung, tháng khai hai lần vào các ngày 15 và 30 hàng tháng, hụi mãn vào ngày 15/02/2025 (AL). Dây hụi này, ông D tham gia chơi 01 chung đã hốt đầu vào ngày 15/11/2021 (AL) với số tiền bỏ hụi là 200.000 đồng, số tiền hụi hốt được là

64.000.000 đồng trừ tiền hoa hồng 700.000 đồng, số tiền hụi còn lại vợ chồng bà hốt được là 63.300.000 đồng nhưng số tiền này bà C không chung mà đối trừ vào số tiền hụi tuần 1.200.000 đồng và số tiền vay là 47.000.000 đồng nên vợ chồng bà chỉ còn nợ bà C số tiền 5.700.000 đồng và số tiền hụi chết của dây hụi trên tính đến ngày mãn hụi là 76.600.000 đồng, tổng hai khoản vợ chồng bà còn nợ lại bà C số tiền 82.300.000 đồng nên chỉ đồng ý trả số tiền trên nhưng xin trả dần chứ không đồng ý với số tiền bà C yêu cầu.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 142/2024/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân quyết định:*

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Lê Thị Kiều C.

Buộc bà Phạm Thị L, ông Đoàn Đức D trả cho bà Lê Thị Kiều C số tiền là 82.300.000 đồng (tám mươi hai triệu ba trăm nghìn đồng).

Không chấp nhận việc bà Lê Thị Kiều C kiện đòi bà Phạm Thị L, ông Đoàn Đức D số tiền chênh lệch là 48.200.000 đồng (bốn mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 23/7/2024, bà Lê Thị Kiều C có đơn kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, buộc bà Phạm Thị L, ông Đoàn Đức D trả cho bà số tiền chênh lệch là 48.200.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lê Thị Kiều C giữ nguyên kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Bà C không có ý kiến tranh luận.

Ông D và bà L phát biểu: Ông, bà chỉ nợ bà C số tiền 82.300.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo bà Lê Thị Kiều C, sửa bản án sơ thẩm, buộc bà L và ông D trả cho bà C trả số tiền 48.200.000 đồng, tổng cộng 130.500.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Xét kháng cáo của bà Lê Thị Kiều C, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Bà C và ông Đoàn Đức D, bà Phạm Thị L thống nhất dây hụi mở ngày 15/11/2021al, loại hụi 1.000.000 đồng, gồm 81 chung; ông D và bà L tham gia 01 chung và hốt hụi ở lần khai hụi đầu tiên, số tiền hốt hụi sau khi trừ hoa hồng còn lại là 63.300.000 đồng, nhưng bà C không giao cho ông D và bà L mà trừ vào số tiền hụi, tiền vay ông D và bà L còn nợ trước đó; số tiền hụi chết ông D và bà L phải đóng lại là 80 kỳ bằng 80.000.000 đồng, ông D và bà L đã đóng 3.400.000 đồng, còn nợ lại số tiền hụi chết phải đóng đến mãn hụi là 76.600.000 đồng.

[2] Bà C cho rằng số tiền ông D và bà L hốt hụi 63.300.000 đồng trừ vào số tiền mà ông D và bà L còn nợ lại tiền hụi chết phải đóng của dây hụi mở năm 2019 (tại phiên toà nguyên đơn xác định dây hụi mở năm 2018 và có cung cấp danh sách hụi chứng minh) là 69.000.000 đồng, ông D và bà L còn nợ lại 5.700.000 đồng. Đến ngày 02/11/2022 al, ông D có ký giấy nợ số tiền 80.100.000 đồng, bao gồm các khoản: Tiền hụi chết của dây hụi mở ngày 15/11/2021al tính đến ngày 02/11/2022 là 26.200.000 đồng, tiền hụi tuần năm 2019 (tại toà nguyên đơn xác định năm 2018) nợ 1.200.000 đồng, tiền hụi của dây hụi tháng mở vào năm 2018 còn nợ lại là 5.700.000 đồng và số tiền vay 47.000.000 đồng. Bà C xác định ông D và bà L còn nợ: Tiền hụi tuần năm 2018 là 1.200.000 đồng, tiền hụi tháng của năm 2018 là 5.700.000 đồng, tiền vay 47.000.000 đồng và tiền hụi của dây hụi mở ngày 15/11/2021 (AL) tính đến ngày mãn hụi là 76.600.000 đồng, tổng cộng là 130.500.000 đồng.

[3] Ông D và bà C xác định số tiền hụi hốt được là 63.300.000 đồng đối trừ vào số tiền hụi tuần 1.200.000 đồng và số tiền vay là 47.000.000 đồng nên ông D và bà L chỉ còn nợ bà C 5.700.000 đồng và số tiền hụi chết của dây hụi 15/11/2021al tính đến ngày mãn hụi là 76.600.000 đồng, tổng cộng là 82.300.000 đồng.

[4] Xét thấy: Việc ông D ký giấy nợ cho bà C ngày 02/11/2022 số tiền 80.100.000 đồng là có thực tế, được bà C, ông D và bà L thừa nhận. Tuy nhiên, giấy nợ chỉ ghi tổng số tiền là 80.100.000 đồng, mà không ghi cụ thể gồm những khoản nợ nào và tính đến thời gian nào, nên không có cơ sở để xác định được cụ thể gồm khoản nợ nào và tính đến thời gian nào.

[5] Đối với trình bày của ông D và bà L cho rằng số tiền hốt hụi 63.300.000 đồng trừ vào số tiền hụi tuần bị đơn còn nợ 1.200.000 đồng và vay 47.000.000 đồng, ông D và bà L còn nợ lại bà C 5.700.000 đồng, xét thấy là không phù hợp. Bởi lẽ, nếu đối trừ số tiền hụi ông D và bà L hốt được 63.300.000 đồng với số tiền ông D và bà L nợ bà C 48.200.000 đồng (tiền hụi 1.200.000 đồng, tiền vay 47.000.000 đồng), thì số tiền hụi còn lại bà C phải giao cho ông D và bà L là 15.100.000 đồng, chứ không phải ông D và bà L còn nợ lại bà C số tiền 5.700.000 đồng. Tại phiên toà, bà C có cung cấp dây hụi mở ngày 05/5/2018, loại hụi 1.000.000 đồng, gồm 66 chung, ông D và bà L tham gia 03 chung; bà C xác định dây hụi này ông D và bà L còn nợ 23 kỳ chưa đóng, số tiền là 69.000.000 đồng (03 chung x 1.000.000 đồng x 23 kỳ = 69.000.000 đồng). Tại phiên toà, ông D và bà L thừa nhận tại dây hụi này có tham gia 03 chung, đã hốt và còn nợ lại tiền hụi chết nhưng không xác định được nợ bao nhiêu. Nếu đối chiếu lời trình bày của bà C về số tiền ông D và bà L nợ 69.000.000 đồng đối trừ với tiền hụi ông D và bà L hốt được 63.300.000 đồng, ông D và bà L còn nợ bà C 5.700.000 đồng là phù hợp với nhau về mặt số liệu, đồng thời cũng phù hợp với trình bày của ông D và bà L sau khi đối trừ thì ông D và bà L còn nợ bà C số tiền 5.700.000 đồng. Do đó, xét lời trình bày của bà C về việc ông D và bà L nợ tiền hụi chết của dây hụi năm 2018 là 69.000.000 đồng, đối trừ với số tiền hụi hốt được 63.300.000 đồng thì ông D và bà L còn nợ 5.700.000 đồng là có cơ sở.

[6] Đối với khoản tiền vay, tại phiên toà ông D và bà L thừa nhận khoản tiền vay 7.000.000 đồng; còn lại khoản vay 40.000.000 đồng cho rằng không có vay và cũng không có nhận tiền, mà cho rằng do nợ tiền hụi chết nên bà C chuyển thành tiền vay. Bà C cũng thừa nhận thực tế bà không có cho ông D và bà L vay số tiền 40.000.000 đồng, mà do ông D và bà L nợ tiền hụi chết của dây hụi tháng mở năm 2018 nên bà chuyển qua thành tiền vay. Xét thấy, bà C cũng xác định dây hụi tháng mở năm 2018 ông D và bà L nợ 23 kỳ x 03 chung x 1.000.000 đồng = 69.000.000 đồng, đã được đối trừ với số tiền hụi hót được 63.300.000 đồng, còn nợ lại 5.700.000 đồng. Như vậy số tiền ông D và bà L nợ 69.000.000 đồng đã bao gồm số tiền 40.000.000 đồng mà bà C đã chuyển qua tiền vay, nhưng bà C lại tiếp tục xác định ông D và bà L nợ thêm 40.000.000 đồng là không phù hợp. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận ông D và bà L nợ bà C khoản tiền vay 40.000.000 đồng như bà C trình bày.

[7] Như vậy, số tiền ông D và bà C còn nợ bà C bao gồm các khoản được xác định là: Tiền hụi tuần năm 2018 là 1.200.000 đồng; tiền hụi tháng dây hụi năm 2018 sau khi đối trừ còn 5.700.000 đồng; tiền hụi chết của dây hụi mở ngày 15/11/2021 là 76.600.000 đồng; tiền vay 7.000.000 đồng; tổng cộng 90.500.000 đồng. Toà án cấp sơ thẩm buộc ông D và bà L trả cho bà C số tiền 82.300.000 đồng là chưa phù hợp. Do đó, cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc ông D và bà L trả cho bà C số tiền 90.500.000 đồng là có căn cứ.

[8] Từ phân tích trên, cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo bà Lê Thị Kiều C, sửa bản án sơ thẩm là phù hợp.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu được điều chỉnh lại theo quy định; Án phí dân sự phúc thẩm: Bà C không phải chịu, đã dự nộp được nhận lại.

[10] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Kiều C.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số:142/2024/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Lê Thị Kiều C. Buộc bà Phạm Thị L, ông Đoàn Đức D trả cho bà C số tiền là 90.500.000 đồng.

*Kể từ ngày bà C có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bà L và ông D còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.*

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kiều C đối với bà Phạm Thị L và ông Đoàn Đức D với số tiền là 40.000.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị L, ông Đoàn Đức D phải chịu 4.525.000 đồng. Bà Lê Thị Kiều C phải chịu 2.000.000 đồng. Ngày 27/3/2024, bà C đã dự nộp 2.578.000 đồng theo biên lai thu số 0003342 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, đối trừ được nhận lại 578.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị Kiều C không phải chịu. Ngày 23/7/2024, bà C đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003740 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân được nhận lại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Nơi nhận:*

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Lập**